

Chuyến Tây Du TỪ PHỐ NÚI

Facoto Phan Công Tôn

Tôi là một cựu quân nhân, từng phục vụ **14 năm rưỡi** trong Binh Chung TQLC. Sau khi miền Nam bị Việt Cộng cưỡng chiếm vào ngày 30/4/1975, tôi bị đi “cải tạo” gần 10 năm từ Nam ra Bắc. Sau khi được thả ra khỏi tù vào cuối 1984, tôi đã tìm cách vượt biên trong hai năm liền. Ba lần đầu tại Vũng Tàu, Gò Công và Cần Thơ bị thất bại, lần thứ tư mới thoát được, từ Rạch Giá đến Thái Lan trong tháng 1/1987. Từ tháng 8/1987 được sang định cư tại tiểu bang Utah cho đến bây giờ.

Hơn 25 năm sống ở đây, qua sự quan sát và đúc kết ý kiến của nhiều người quen và bạn bè, tôi tổng hợp lại để có một nhận xét: dù ở trong vùng kết hợp bởi núi và sa mạc nhưng Utah có một cảnh trí rất hùng vĩ và nên thơ qua bốn mùa. Các thành phố thì không quá lớn, không quá ồn ào, phức tạp mà rất tươm tất và sạch sẽ. Đặc biệt người dân ở đây rất lịch sự, hiếu khách, thích giúp đỡ người khác, họ rất vui vẻ, hiền lành và rất dễ thương. Cho đến bây giờ (năm 2013) dân số Utah chỉ trôm trèm khoảng ba triệu người và có khoảng tám ngàn người Việt đang sống ở đây.

Khi tôi đi chơi ở các tiểu bang khác, trong khi nói chuyện với bạn bè hoặc với người tại địa phương đó về Utah, rất ít người biết Utah ở đâu và như thế nào? Nhưng nếu nhắc tới “Đạo Mormon Đa Thê” thì hầu như ai cũng biết vì đã từng nghe nói đến ...

- Tại sao có cái tên Utah?

Cái tên Utah được bắt nguồn từ ngôn ngữ của thổ dân Da Đỏ “Ute”. (Ute có nghĩa là “những con

người của vùng núi”).

Cho tới năm 1847, Utah là vùng lãnh thổ của Mexico. Sau khi cuộc chiến tranh Hoa Kỳ-Mexico kết thúc, Hiệp Ước Guadalupe Hidalgo được ký kết vào ngày 2 tháng 2 năm 1848, từ đó Utah bị sát nhập và trở thành lãnh thổ của Hoa Kỳ.

- Vị trí của Utah: Phía Bắc giáp TB Idaho và Wyoming, phía Đông giáp TB Colorado, phía Đông Nam giáp TB New Mexico và phía Nam giáp TB Arizona. Các bạn hãy hình dung tiếp: phía Tây của Utah là Nevada và phía Tây của Nevada là California.

Từ Salt Lake City (thủ phủ của Utah) lái xe theo Freeway I-15 South xuống Las Vegas (Nevada) tốn khoảng hơn 5 tiếng và đến Nam California (Orange County) khoảng 11 tiếng với đoạn đường tổng cộng khoảng 700 miles. Còn nếu đi về hướng Tây, theo đường I-80 West thì từ Salt Lake City đến San Jose, CA lái xe khoảng hơn 12 tiếng rưỡi với đoạn đường dài khoảng 770 miles.

Từ Salt Lake City muốn đi về California, nếu đi theo hướng Nam thì gặp các sông bài ở Las Vegas, còn đi theo hướng Tây thì gặp các sông bài ở Wendover (một thành phố của Nevada, giáp ranh giới với Utah, cách Salt Lake City khoảng 125 miles và tốn khoảng 1 giờ 45 phút lái xe).

Lúc trước tôi thường lái xe đi California. Dù đi hướng nào, bạn đi hay bạn về cũng phải ghé vào các sông bài để “thử thời vận”. Đây là cách “nói chữ”, muốn né không dùng câu “đóng tiền điện” cho Las Vegas hoặc Wendover vậy mà! Vì thực tế,

Sóng Thần

mỗi lần ghé lại, dù có dè xèn cách mấy thì cũng phải “nộp” ít nhất là vài ba bò, để ra về trong “anh ách” và ... (kém) hân hoan!

- Cao độ: Utah có độ cao trung bình hơn 3,650m so với mặt nước biển. - Tuyết: Salt Lake City có 60 inches tuyết mỗi năm, riêng vùng núi Wasatch Range, lượng tuyết tới 500 inches mỗi năm. Tuyết ở Utah rất đặc biệt: khô và xốp, thích hợp cho các môn thể thao mùa Đông và rất lý tưởng cho việc trượt tuyết. Utah có những Ski Resorts nổi tiếng không những trên nước Mỹ mà cả thế giới và đó là lý do Utah đã được chọn để tổ chức Thế Vận Hội Mùa Đông năm 2002.

- Địa hình: ở miền Nam, các bãi đá sa thạch (nằm trong các Công viên Quốc gia) tạo thành các vòm, đỉnh, dốc, cầu đá vô cùng đa dạng và độc đáo. Phía Bắc của TB Utah là Hồ Muối Lớn (Great Salt Lake): đây là hồ muối rộng nhất của Tây Bán Cầu, rộng thứ 4 trong các hồ kín trên thế giới và là hồ rộng thứ 37 trên Trái Đất. Hồ có tổng diện tích mặt nước là 4,400 km², hồ có chiều dài khoảng 120.7 km và chiều rộng 56.3 km. Hồ có độ mặn cao hơn nước biển.

Khi nói chuyện với bạn bè tôi thường nói đùa, gọi Utah là “Bờ Lê Cu” (đọc chại từ tên của thành phố Pleiku, ở cao nguyên Trung phần của Việt Nam) để so sánh với “Sài Gòn” (Santa Ana của California); còn khi viết lách, để cho “văn vẻ” hơn, tôi gọi Utah của tôi là “Phố Núi”!

Khi đi du lịch, đi thăm bà con, bạn bè hay tham dự các Đại Hội, tùy theo phương hướng, tôi thường gọi những chuyến đi với các tên như: Đông Du, Tây Du, Nam Du hoặc Bắc Du. Không biết có phải vì bị ảnh hưởng của “Tây Du Ký” hay không mà tính tới giờ này, tôi đã Tây Du quá nhiều lần so với “du” về các hướng khác!

Vào dịp Lễ Tạ Ôn năm 2013, vợ chồng tôi lại có thêm một chuyến ... Tây Du! Chuyến đi này đã để lại trong tôi rất nhiều kỷ niệm đặc biệt đáng ghi nhớ.

Mục đích của chuyến đi lần này, một phần là để tham dự đám cưới con trai của Lê Sơn, một người bạn thân cùng ở chung các trại tù với tôi trong vùng Hoàng Liên Sơn, Yên Bái,

Thanh Hóa. Một điểm khá đặc biệt là ông Sui Gia của Lê Sơn lại là Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ, chúng tôi thường gọi là Cậu Bảy. Cậu Bảy cũng cùng ở tù chung với Lê Sơn và tôi tại trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa và là tác giả tập Bút Ký “Tôi Phải Sống” xuất bản năm 2003. Vào khoảng trung tuần tháng 10/2013, Cậu Bảy từ Tân Tây Lan gọi điện thoại cho tôi và mời vợ chồng tôi về California dự đám cưới. Cô dâu, Phan Thị Ngọc, là một sinh viên từ Việt Nam sang Tân Tây Lan du học và Cậu Bảy đã trở thành nghĩa phụ của cô. Cậu Bảy giới thiệu “con gái mình” cho một số bạn bè có con trai và kết quả là con trai của Lê Sơn, Lê Cao Nhân Luân, đã trở thành chú rể!

Cậu Bảy và tôi, ngoài cái “biết về nhau” khi ở chung một trại tù, sau này lại có thêm cái thân tình trong sinh hoạt xã hội và chính trị: Ngày 16 tháng 8/2009, Cậu Bảy cùng phái đoàn của Phong trào “Quốc Dân Đòi Trả Tên Sài Gòn” gồm tất cả là bốn người (kể cả anh Trần Quốc Bảo) lên ở tại nhà chúng tôi hai ngày, nhân dịp Cậu Bảy nhờ tôi làm Trưởng Ban Tổ Chức buổi giới thiệu DVD “Sự Thật về Hồ Chí Minh” với bà con đồng hương tại Utah.

Ngoài việc đi dự đám cưới, chuyến Tây Du này tôi còn mong ngóng nôn nóng và trông chờ..., từ khi tôi làm hai cái hẹn để được gặp lại, một “ông thầy cũ” và một “thằng bạn cũ” mà đã hơn 36 và 38 năm rồi chưa hề có dịp gặp nhau!

“Ông thầy cũ” tôi nhắc ở đây là cựu Trung Tá



Trái: Sana, Cheo, Môi, Yến, NT Thắng, Tô, Naoc

Phan Văn Thắng. Ông và tôi có “duyên” và “dính” với nhau suốt quãng thời gian rất dài: 5 năm, từ 1964 đến 1968! Từ khi Ông là Đại Úy Đại Đội Trưởng, tôi là Thiếu Úy Trung Đội Trưởng của Ông cho đến khi Ông lên Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng, tôi là Đại Úy Đại Đội Trưởng. Năm năm trường “chịu đựng” và “trầy vi tróc vảy” qua kỷ luật và trận mạc. “Nói của đáng tội”, trong thời dưới quyền Ông, cá nhân tôi cũng có những lúc được “huy hoàng”:

-Năm 1964, khi Ông lên làm Tiểu Đoàn Phó thì tôi được chỉ định làm Đại Đội Trưởng thay thế cho Ông, mặc dù năm đó tôi mới là thiếu úy. Tháng 9/1965 tôi được lên trung úy, cả Khóa 9 Thủ Đức được điều chỉnh lên trung úy thực thụ. Đến tháng 10/1965 tôi được lên đại úy, thăng cấp đặc cách tại mặt trận qua trận thắng lớn tại Ba Gia, Quảng Ngãi (chỉ đúng 1 tháng 9 ngày sau khi tôi mang cấp bậc trung úy thực thụ). Và hai năm sau đó, tôi được ân thưởng Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm với Nhành Dương Liễu, v.v...

Tôi vẫn còn nhớ, khoảng năm 1977, khi tôi ở Trại 6 Khe Thấm, Hoàng Liên Sơn, một hôm đội (tù) của tôi đi “lao động” vùng Nông Trường Chè Trần Phú, cách trại tôi khoảng 2 giờ đi bộ, thật là vui và bất ngờ, đội của Ông cũng đi lao động, hai đội đi ngược chiều nhau và chúng tôi nhận ra nhau.



*Nhà hàng Royal. Hàng đứng từ trái: Tô và Mù
Hàng ngồi từ trái: Mòi, NT Thắng, NT Tinh Châu*

Chỉ đưa tay ra dẫu và vẫy chào nhau vậy thôi. Gặp nhau trong hoàn cảnh đau lòng như vậy, tôi thật là buồn nhưng được an tâm một điều là biết Ông vẫn còn sống. Đó là lần chót, chúng tôi nhìn thấy nhau,

do đó dịp này, tôi rất nôn nao mong mau tới ngày được gặp và thăm nhau trên vùng đất tự do này...

“Thăng bạn cũ” tôi nói đến, đó là Bác Sĩ Trần Hùng Hải. Ngày xưa, khi B/S Hải được tặng phái cho TĐ1/TQLC lúc hành quân, chỉ một thời gian ngắn thôi, B/S Hải đã trở thành người bạn thân của “nhóm nói tiếng lóng của Tiểu Đoàn 1/TQLC” vì tánh khí vui vẻ, thật thà, dễ thương, rất chịu chơi và nhất là có máu rất tếu (đúng với điều kiện ưu tiên hàng đầu của “nhóm”). Duy chỉ có một điều “rất khó ưa” của Hải mà dần dần về sau “nhóm” mới phát giác và “bật ngửa”, đó là cái tật “phá mòi”. Hải không biết nhậu, chỉ nhâm nhi chút đỉnh chiếu lệ. Một lần, trong khi anh em trong “nhóm” đang say sưa đàn hát, thì Hải và “Lâm Phá Mòi” đã “xoi tái” gần ... một nửa con gà! (Thời đó bên Việt Nam, một con gà quý và “có giá” lắm chứ không phải “rẻ rẻ” như gà bên Mỹ bây giờ). Đúng ra phải đặt cho Hải cái tên “Hải Phá Mòi” nhưng trong “nhóm” đã có “Lâm Phá Mòi” rồi, nên anh em trong “nhóm” đành “cẩn rắng” đặt cho Hải cái tên khác: “Hải Mù” (vì Hải bị cận thị nặng nhưng vẫn nhìn thấy được “mòi” để ... “phá”!). Từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi không biết số phận của Hải Mù ra sao? Đã được rời Việt Nam từ 1975 hay bị kẹt lại? Nếu ở lại thì bị đi tù bao lâu? Về sau, có được đi theo diện H.O. hay không? Và bây giờ đang làm gì, ở đâu? v.v...

Khi qua Mỹ rồi, tôi được gặp lại một số các “ông thầy”, một số bạn bè và anh em trong binh chủng TQLC hoặc qua trò chuyện, biết được tin tức của một số anh em khác. Duy chỉ có Hải Mù, tôi cố công hỏi và tìm nhưng qua bao nhiêu năm rồi vẫn ... biệt vô âm tín! Ngày 7/11/2013 tôi gọi chị Huy Lễ để hỏi tin tức về Hải Mù. Cứ tưởng chỉ hỏi “cầu âu” vậy thôi như bao nhiêu lần và bao nhiêu người đã hỏi qua. Nhưng hôm ấy, hên quá, tôi vui như được trúng số độc đắc, chị Huy Lễ cho tôi số điện thoại của Hải Mù. Tôi gọi cho Mù ngay nhưng không gặp, chỉ để lại lời nhắn. Ngày hôm sau Mù gọi lại tôi hai lần, không gặp, cũng chỉ để lại lời nhắn. Mừng ơi là mừng! Từ đó liên lạc được với nhau và hẹn nhau, nhất định phải gặp lại “cái mặt mẹt” của nhau vào dịp đầu tháng 12/2013 tại Santa Ana và Laguna Niguel (nơi vợ chồng Hải Mù đang sống). Tôi và Mù vẫn như vậy, vẫn

Sóng Thần

thân nhau, vẫn “mày tao mi tớ” với nhau như ngày xưa...

Theo như chương trình, chúng tôi từ Phố Núi về “Sài Gòn” đúng vào ngày Lễ Thanksgiving (28/11/2013) để dự đám cưới vào ngày 30/11. Như đã hẹn trước, anh Phan Văn Thắng cũng từ San Francisco xuống “Sài Gòn” cùng ngày và ngày hôm sau, chúng tôi mới được gặp nhau sau hơn 36 năm, kể từ lần nhìn thấy nhau và vẫy chào nhau tại vùng Nông Trường Chè Trần Phú.

Thật quá vui và quá cảm động qua suốt mấy ngày chúng tôi hẹn gặp nhau qua các địa điểm như nhà hàng Mirada, Café Planet, Café Lan Hương, nhà hàng Royal, tiệm phở Quang Trung, tiệm ăn Sea Food Cove, tiệm ăn Thành Mỹ, tiệm bò 7 món Ánh Hồng hay tại nhà MX Nguyễn Phục Hưng/Liên, v.v... Đây cũng là dịp các Mũ Xanh thuộc Tiểu Đoàn Quái Điều gặp lại nhau (Phan Văn Thắng, Phan Công Tôn, Trần Văn Thuận, Lê Văn Châm, Quách Ngọc Lâm) và là dịp được gặp các Mũ Xanh của các đơn vị khác. Tất cả cũng đã gặp nhau ít nhất là một lần. Chúng tôi được **gặp lại** anh chị Cổ Tấn Tinh Châu/Dạ Lý, anh chị Lê Đình Bảo/Tuyết, anh chị Lê Tường Vũ/Yến Lan, chị Phượng và cháu Thu Hà (vợ và con gái của cố MX Định Nguyên), các MX Nguyễn Văn Hai, Võ Thanh Sang, Phan Bửu Ngọc, Phan Văn Đông, Trương Minh Ngọc, v.v...

Đặc biệt là mấy lần gặp nhau tại nhà Phục Hưng&Liên, bạn bè đồng quê, phía “phe ta” thì còn nhớ nổi, còn “phe bạn của chủ nhà” thì đếm và nhớ ... không xuể. Tuy nhiên, tôi cũng ráng ghi nhận được anh Nguyễn Thanh Huy, phóng viên của Việt Báo Daily News. Tôi cũng ghi nhớ được hai nữ ca sĩ Khánh Vân và Lan Hương trong ca đoàn Xuân Điềm, vì hai cô thay phiên nhau hát thật hay trong những đêm họp mặt ...

Qua chuyến Tây Du lần này, có thêm dịp thăm

gặp các thân nhân và bạn bè, gặp lại “Ông thầy cũ” và “thằng bạn cũ” nên tôi thấy thật là vui và cảm động. Tuy nhiên, thời gian quá ít ỏi (chỉ đúng một tuần) nên không thể nào thu xếp để thăm hoặc gặp mặt tất cả các bạn bè thân thiết, đặc biệt trong đó có ông bạn Tô Văn Cấp của tôi, một cái tên không thể thiếu được mỗi lần tôi về... Sài Gòn.

Qua liên lạc trước thì được biết ông bạn Cấp của tôi và bà “quản giáo” phải qua Dallas hai tuần để thăm mấy đứa cháu nội. Đúng vào ngày Cvanto từ Dallas trở về Little Saigon thì chúng tôi bị vợ chồng Hải Mù “hốt” về dưới Laguna Niguel. Ở đó thêm một ngày để đi chơi vùng biển và hôm sau, Hải Mù sẽ đưa chúng tôi ra phi trường Long Beach để “tổng cổ” tôi về Phố Núi Bờ-Lê-Cu. Thế là, đành phải “gạt nước mắt, vắt nước mũi” vì không thể gặp mặt “ông bạn dzàng” Tô Văn Cấp kỳ này được rồi. Cho đến khi ngồi gõ bài này, tôi vẫn còn thấy buồn buồn và ray rứt trong lòng! Thôi đành hẹn với ông chuyến Tây Du sau vậy nhé!

Như phần trên, khi giới thiệu về Hải Mù, tôi có nhắc đến nhóm nói tiếng “lóng” của Tiểu Đoàn 1/TQLC. Nhớ lại những chuyện vui vui ngày xưa, khi đi hành quân chung với các Tiểu Đoàn/TQLC



Nhà hàng Royal. Từ trái, vợ chồng: Cheo, Tô và Mù

khác. Sau những cuộc hành quân, các đơn vị có chút ít thời gian nghỉ dưỡng quân tại các quận hoặc tỉnh lỵ, các sĩ quan trẻ thường rủ nhau đến các tiệm ăn hay các quán cà phê để bù khú với nhau. Khi nghe anh em nhóm nói tiếng “lóng” của TĐ1 nói chuyện với nhau, anh em ở các tiểu đoàn khác cứ “ngớ” ra, chẳng hiểu mô tê gì cả khiến họ “xi

con thịnh nộ”:

“Mấy cha nội Tiểu Đoàn “Quá Đều” (thay vì Quái Điều) nói cái giống gì mà chẳng ai hiểu gì ráo trời dzậy cà?!”

“Nhóm Quá Đều” lấy làm khoái chí, ôm nhau cười xòa. Thật ra, muốn trả lời câu hỏi của “mấy

chả”, phải biết hệ thống hóa, phân tích, giải nghĩa và cho ví dụ, v.v... thì may ra “mấy chả” mới “thắm” được phần nào! Chuyện này nó lòng thòng, rườm rà, rắc rối và nhiều khê lăm, chớ chẳng phải chơi đâu!

Cho đến bây giờ, anh em cũ trong “nhóm” mỗi khi gặp nhau hay nói chuyện với nhau qua điện thoại vẫn dùng một số tiếng lóng ngày xưa. Nói như vậy thấy cũng vui vui, đặc biệt là để nhớ lại một thời với ấp đầy kỷ niệm. Nhân dịp viết bài này, tôi xin trình bày một số nguyên tắc, kỹ thuật căn bản để tạo thành tiếng lóng của “nhóm”.

Tiếng lóng của TĐ1 được khơi mào và lai rai áp dụng bắt đầu từ năm 1964, 1965 trở đi. Những nhân vật nòng cốt chế ra tiếng lóng bắt nguồn từ những anh chàng gốc miền Trung, đặc biệt là vùng Huế, Quảng Trị. Đợt tiên phong của thời đó gồm có quý vị và các bạn như: Nguyễn Văn Dàng, Lê Văn Châm, Hoàng Văn Khanh, Hoàng Trọng Độ, Nguyễn Xuân Tòng, Nguyễn Văn Phán, Phan Công Tôn, Hoàng Văn Hạp, Lê Quang Liễn, Nguyễn Cao Nghiêm, v.v...

Ngoài ra, dù không phải là người gốc Trung, nhưng nhiều “ủng hộ viên” cũng sẵn sàng tham gia như các bạn: Vũ Văn Vương, Trần Văn Bi, Nguyễn Văn Đả, Võ Trí Huệ, Quách Ngọc Lâm, Huỳnh Văn Lượm, Lê Văn Cưu, Trần Văn Thông, Nguyễn Phúc Lộc, Nguyễn Dũng Trí, Nguyễn Văn Hạnh, Trần Quang Duật, Trần Hùng Hải, v.v...

***Một số nguyên tắc chính khi dùng “tiếng lóng”:** Danh từ chung hay địa danh có hai chữ thì chỉ nói chữ sau cùng. Ví dụ: “Tham những” thì chỉ nói: “những”; “sẵn sàng” thì chỉ nói “sàng”; “Vĩnh Long” chỉ nói “Long”; “Cà Mau” chỉ nói “Mau”; “Sa Đéc” chỉ nói “Đéc”; “Sài Gòn” chỉ nói “Gòn”; “Biệt Khu Thủ Đô” chỉ nói “Khu Đô”; “Cố Vấn Hoa Kỳ” chỉ nói “Vấn Kỳ”; “Bạn bè thân thiết” chỉ nói “Bè Thiết”, v.v...

Đôi khi dùng tiếng Anh hay Pháp (đơn âm hoặc đa âm) thì chỉ đọc âm chót mà thôi. Ví dụ, tiếng Pháp: “Noir” (đen) chỉ một âm thì nói “Noa”;

“Aller” (đi) chỉ nói “Lê”; “Manger” (ăn) chỉ nói “Jê”; “travailler” (làm việc) chỉ nói “Dê”, v.v... Ví dụ, tiếng Anh: “Happy” chỉ nói “Pi”; “Seven” chỉ nói “Vân”; “Beautiful” chỉ nói “Phun”; “Artillery” chỉ nói “Tiu Ri”; “Automatic Weapon” chỉ nói “Tích Pân”, “Talk” thì phát âm “Toóc”, v.v...

Cũng có khi dịch các tiếng từ Hán sang Việt, ví dụ: “tam” là ba; “diện” là mặt. “Chộ Diện” (chộ=nhìn, thấy): có nghĩa là gặp mặt, thăm nhau, v.v...

***Phải phát âm bằng giọng Huế/Quảng Trị:** Khi nói tiếng Việt, ngay cả có xen kẽ tiếng Anh và tiếng Pháp, vẫn phát âm theo giọng Huế hay Quảng Trị (nhà quê). Phát âm như vậy thì thật là khó nhưng cũng thật là vui. Tôi có một chú đệ tử tên là Quảng (người gốc Quảng Trị), khi nào người địa phương nói gì mà tôi không hiểu thì nhờ chú Quảng “thông dịch”. Có một lần tôi hỏi một cậu bé: “Ông bà ở đây đi đâu rồi?” Cậu bé trả lời: “Ôn mẹ đang cãi chặc ngoài cưới”. Nhờ “thông dịch viên” Quảng, tôi mới biết đó là “ông bà đang cãi nhau ngoài sân”.

“Nhóm” chúng tôi rất thích thú và chính thức áp dụng những chữ “nhà quê” ở vùng này. Ví dụ: chừ, ni, tê, mô, răng, rúra, v.v... Có những chữ rất lạ như: búi= vui; búa= đã, tha hồ; đôn= nhiều; miêng= mình; cây= gái, các cô; tra= già; bụ= ngực, vú; khu= mông; sây= bóng, nhô lên; nậy= lớn; chộ= nhìn, thấy, nác= nước; noóc= nuốt; sương nác= gánh nước; “ớt dột”= kỳ cục, v.v...

*** Vài kỷ niệm nhớ đời:** Đa số các bạn gốc Huế/Quảng Trị có công “chế” ra nhiều tiếng lóng để đóng góp cho “nhóm”. Các bạn gốc các miền khác, phần lớn chỉ “ăn theo” mà thôi.

- Về Nguyễn Văn Dàng: Danh hiệu truyền tin của Dàng là “Đà Lạt” nên lúc đầu “nhóm” gọi Dàng là “Lạt”. Về sau mới tìm thấy cái cá tánh



Tại nhà Hưng/Liên. Từ trái: Hưng đàn, Mù và Tô hợp ca

Sóng Thần

độc đáo của Dàng là khi nào ngồi “vậu” (nhậu) thì Dàng cứ lằm lằm lì lì “vậu bưa” (nhậu cho đã) với cái kiêu uống rượu mà cứ như đổ nước vào ống cống xa lộ. Từ đó “nhóm” thay thế “Lạt” bằng cái tên mới: “*Cóón Lộ*” (Ổng Cống Xa Lộ) cho Dàng. Thời gian Dàng còn làm Trưởng Ban 3 của Tiểu Đoàn 1, sau cuộc hành quân ở Vĩnh Long, đoàn xe GMC đưa Tiểu Đoàn về hậu cứ ở Thủ Đức. Khi đoàn xe chạy ngang cầu Long An, có một “vài” trên cầu đang bị sửa chữa nên đoàn xe của Đại Đội tôi đi trước phải chạy chậm lại. Tôi liên lạc với Dàng qua máy truyền tin: “*Cóón Lộ. Mi tới mô rồi?*” (Dàng! Mày đi tới đâu rồi?) Dàng trả lời: “*Tau đang rân (run=chạy) rất chap (chậm chap) ngang khu Trắc Ngạ Trời*”. Tôi chơi với, hỏi lại: “Trắc Ngạ Trời là khu mô rứa?” Dàng trả lời: “*Đó là khu nhà máy có mấy ống khói rất nậy (lớn) chĩa lên, tau đặt chúng là ‘Trắc Ngạ Trời’, có nghĩa là ‘Cu Ngạ Trời’ đó mi nờ!*” Tôi cười phá lên qua máy truyền tin và nói: “*Bây chừ tau hiểu rồi. Nhận năm*” (Đáp nhận 5/5). Về hậu cứ, kể lại cho bạn bè trong “nhóm” để được “chấp thuận và thông qua”. Thôi thì cứ cười bò với nhau và “*bui đôn*” (vui nhiều lắm). Từ đó “nhóm” chúng tôi nhân cách hóa “Trắc Ngạ Trời” qua một biểu tượng khác cho có phần tếu tếu và khi nào dùng chữ này thì không sao quên được ông bạn “*Cóón Lộ*”. (“*Cóón Lộ*” là Đại Úy, đã tử trận vào cuối năm 1968).

- **VỀ HUỖNH VĂN LƯỢM:** Thời gian Tiểu Đoàn 1/TQLC hành quân ở Quảng Ngãi, một hôm ra phố chơi, một số bạn trong “nhóm” kéo vào một quán cà phê, trong đó có bạn Huỳnh Văn Lượm. Lượm người gốc ở Nha Trang, chưa hề “ché” ra chữ hay câu nào cho “nhóm” cả. Hôm đó Lượm ngồi ở cái ghé quay mặt nhìn ra ngoài đường, bất ngờ về mặt Lượm đột nhiên hớn hờ, có vẻ đặc chí với nụ cười mím chi. Lượm lớn tiếng hỏi các bạn đang ngồi nơi hai bàn dài: “Tui đố các bạn: Thánh Lành Nam là gì?” Cả nhóm ngưng câu chuyện riêng tư để bàn với nhau, cố tìm lời giải đáp cho câu hỏi có vẻ hóc búa của Lượm. Cà phê đã được mang ra, phe ta vừa nhâm nhi vừa nặn óc suy nghĩ để tìm câu trả lời. Nhiều bạn đã uống gần cạn ly cà phê và thậm chí đang châm điều thuốc thứ hai, tiếp tục phì phà và suy nghĩ. Nhưng cuối cùng, cả hai bàn

cùng đồng thanh đưa ý kiến: “đầu hàng”! Lượm có vẻ khoái chí ra mặt nhưng làm bộ nghiêm nghị trả lời: “Thánh Lành Nam là ... Hội Thánh Tin Lành Việt Nam”. Cả nhóm chơi với và “té ngựa”. Sau đó Lượm tà tà giải thích, lúc nãy nhìn ra đường, Lượm “*chộ*” (thấy) một xe buýt có hàng chữ “Hội Thánh Tin Lành Việt Nam” chạy ngang nên mới vụt ra câu hỏi đó đó! Cả nhóm cười thỏa thích vì câu hỏi “không giống ai” của Lượm. Từ đó, ngoài cái tên “*Lẹo*” mà anh em trong “nhóm” đã đặt cho Lượm từ trước, Lượm còn có thêm cái tên “*Thánh Lành Nam*”! (*Lẹo Thánh Lành Nam* là Trung Tá, đã chết “thê thảm” trong trại cải tạo Xuân Lộc, Đồng Nai vào năm 1984).

Các “nhân vật” thuộc Tiểu Đoàn 1/TQLC được “nhóm” đặt tên: Ví dụ: *Huỳnh Văn Lượm (1) là “*Lẹo*”, (2) “*Thánh Lành Nam*”. *Lê Văn Châm là “*Cheo*”. *Lê Văn Cưu là “*Cheo*” (vì cái tánh hay chọc ghẹo anh em) *Phan Công Tôn là “*Tô*” (đọc âm chót của tên Facoto, đã có từ thuở học trò). *Trần Văn Bi là “*Bo*”. *Nguyễn Văn Phán là “*Phom*” (ghép vào cho giống tên bà Phán Phom trong truyện “*Số Đò*” của Vũ Trọng Phụng). *Hoàng Văn Khanh (1) là “*Khanh Đen*”, (2) là “*Kheng*” (đọc chại từ Khanh), (3) là “*Hynos*” (vì Khanh đen như Hynos, quảng cáo cho kem đánh răng). *Trần Văn Hiền là “*Hằng*”. *Bác Sĩ Trần Hùng Hải là “*Mù*” vì bị cận thị nặng. *Quách Ngọc Lâm: “nhân vật” này có nhiều tên rất là độc đáo, đầu tiên đặt tên (1) là “*Tam Tù*” (dịch và đọc chại từ “Ba Tàu” vì Lâm là người Việt gốc Hoa); về sau đặt thêm một tên khác (2) là “*Môi*” dựa vào “thành tích” không nhậu mà chỉ ăn “Phá Môi” hoặc là “Cò Môi” (vì Lâm là tay “chuyên nghiệp” thường ra “lãnh đòn” hay “đỡ đạn” cho bạn bè khi bạn nào có nhiều “hàng” tới thăm cùng một lúc và sắp đụng độ nhau), v.v... [Năm ngoái, một hôm tôi nói chuyện với Thẩm Quyền Sài Gòn qua điện thoại, khi nhắc đến Quách Ngọc Lâm, Sài Gòn thắc mắc: “Sao Lâm dễ thương như vậy mà anh em lại đặt cho cái tên “Lâm Cò Môi?” Qua bài này của “*Tô*”, “*Gòn*” đã biết rõ thêm về “*sơ lịch*” (hồ sơ, lý lịch) của “*Môi*” rồi, phải không?]

Tên của các “Thẩm Quyền” thuộc Tiểu Đoàn 1/TQLC: *Tôn Thất Soạn (1) là “*Con Khị*” (Thẩm Quyền rất tốt, quá tốt với thuộc cấp, chưa bao giờ

chửi thề; chỉ khi nào “sùng” lắm thì mới mắng “Con Khi” mà thôi); thời gian hành quân ở Quảng Ngãi (lúc đó còn độc thân) Thẩm Quyền “khoái” uống cà phê đen có pha thêm rượu Cognac để khi... “hữu sự” thì được “bui bưa” (vui thả cửa, vui đã đời), anh em mới đặt tên (2) là “Gòn Phê Nhắc” (Sài Gòn Cà Phê Cô Nhắc).



Tại nhà chị Kim Dung. Từ trái: Chị Dung, Yến, Mai và Mù

*Phan Văn Thắng (1) là “Tango Noir”, chỉ đọc là “Gô Noa” (vì lúc đó da mặt của Thẩm Quyền ... không được trắng lắm), (2) là “Bù Trì” (vì khẩu lệnh đầu tiên của Thẩm Quyền là “Bố Trì” khi đơn vị chạm súng với địch quân), (3) là “Án Sự” (vì Thẩm Quyền ưa “hăm mẽ răng” thuộc cấp: “Kỳ này về, tôi sẽ cho anh ra Tòa Án Quân Sự” khi đơn vị đụng độ mà các Đại Đồi Trường không thi hành “đúng” khẩu lệnh của mình). *Nguyễn Thành Trí (1) là “Gô Ta Hồ” (Tango Guitar Ca Hát), Thẩm Quyền khoái đàn Guitar và hát hoặc sáng tác ca khúc; thời gian hành quân bình định Gò Công (1964), đi đến đâu đám nhóc nữ sinh (cỡ 14, 15 tuổi) cũng chạy theo, xin Thẩm Quyền đàn và hát cho mấy nhóc thưởng thức. Về sau “nhóm” đặt tên cho Thẩm Quyền (2) là “Gô Hồ Cáy” (Tango Ca Hát cho Con Gái nghe). *Nguyễn Văn Đả là “Ca Nậy” (Đại Ca Lớn). *Lê Ngọc Châu đã có cái “hồn danh” từ trước là “Châu Phước Hiệp”, do đó “nhóm” đặt tên cho Thẩm Quyền là “Ôôn Chu Hiệp” (Thẩm quyền đã qua đời), v.v. ...

Tên của các Thẩm Quyền (TQ) trong Sư Đoàn TQLC:

*TQ Bùi Thế Lân: Thẩm Quyền có cái tên “Anh Tư Mắt Kiếng”, có lẽ từ thời còn là Tá Nhỏ? Sau này lên Tướng và làm Tư Lệnh Sư Đoàn rồi vậy mà “giang hồ” vẫn giữ y chang tên cũ, vì vậy

“nhóm” chỉ đổi một chút xíu: “Ôôn Tư Nét” (Ông Tư Lunette) - Lunette là mắt kiếng (tiếng Pháp) -

* T Q Nguyễn Thành Yên (đã qua đời): Thẩm Quyền đã nổi danh trong Sư Đoàn là “Ông Già Hự” (vì thói quen vuốt mặt và hấn giọng hự hự trước khi nói hay ban lệnh) do

đó “nhóm” đặt tên là: “Ôôn Tra Hự”.

*TQ Hoàng Tích Thông: Thẩm Quyền có tên là “Tango Hồ” (do NT Châu Phước Hiệp đặt, vì Tango có hàm răng vầu) nên “nhóm” chỉ gọi Thẩm Quyền là “Gô Hồ”.

*TQ Nguyễn Thế Lương (Tá Nậy, đã qua đời): Thẩm Quyền đã có tên (1) là “Ó Lương” từ lâu, tuy nhiên về sau anh em trong Sư Đoàn đặt thêm một cái tên nữa (2) là “Hoa Lá Cành” (bởi vì Thẩm Quyền khoái diện và khoái màu mè rườm rà).

*TQ Nguyễn Văn Hay (nhưng người Nam đọc thành Hai) có cái nickname là “Ông Hai Chùa” (khi tôi mới về TQLC từ tháng 12 năm 1960 đã nghe tiếng rồi). Về sau “nhóm” chỉ “theo đuôi” và gọi theo tiếng Pháp là “Ôôn Đơ Gốt” (Deux Pagodes).

*TQ Đoàn Thúc: Thẩm Quyền là huấn luyện viên của Ban TVM (Tác xạ Vũ khí và Mìn) ở Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Khi đổi về TQLC chúng tôi gọi ông là “thầy” và đặt tên cho “thầy” là “Thầy Ngược Ngáo”. Tên thầy là Thúc, còn “Ngáo” tức là Ngủ. Do đó chúng tôi “ché” ra cái tên rất “ung ý” vì dựa vào cái “lý sự cùn”: ngược với ngủ tức là thức! (“Thầy Ngược Ngáo” đã qua đời ở Sài Gòn, Việt Nam, sau khi được thả ra khỏi trại cải tạo), v.v. ...



Tại nhà Mù. Từ trái: Tô và Mù

Vài câu tiếng lóng “để đời”:

Khi viết về tiếng lóng của TĐ1, tôi có gọi một số bạn cũ, họ “nhắc tuồng” cho tôi một số câu thường nói ngày xưa, đặc biệt là Hải Mù, lưu ý tôi đừng quên hai câu “để đời” sau đây:

1. “*Cơm gia trôn xã*” (*com=com, gia=nhà, trôn=“của quý” của các bà; xã=bà xã*); có nghĩa là: *Cơm nhà “quà” vợ!*

2. “*Nai vẫn đề to-ri in ao cao có ngựa mô*”, có nghĩa là: “*Đêm bảy ngày ba vô ra không đếm xuể*” ...

Tóm lại, tiếng lóng của Tiểu Đoàn 1 dù nó hơi “dị hợ”, lắm “nhiều khê” nhưng cũng rất là “độc đáo”! Thử hỏi, hơn 40 năm về trước, làm sao bạn bè ở các đơn vị khác hiểu được chúng tôi đang nói với nhau cái gì? Do đó, không nên trách ông bạn Trâu Điền đã “óe” chúng tôi:

“Mấy cha TĐ Quá Đều nói cái giống gì, mà chẳng ai hiểu gì **ráo trội** dzậy cà???!”

Bây giờ, chúng tôi xin “bật mí” chút đỉnh để quý vị và các bạn hiểu được và cùng chúng tôi ... “*bui bua*” (vui tha hồ, vui đã luôn)!

Thay lời kết

Bài “Chuyến Tây Du từ Phố Núi” kỳ này, chúng tôi muốn “*tỏa*” (mô tả) sơ sơ một vài góc cạnh của một số sinh hoạt bình thường với bà con, bạn bè dân sự, bạn bè quân nhân trong và ngoài binh chủng mỗi lần chúng tôi về “Gài Gòn” chơi. Đặc biệt, dịp này, chúng tôi đã rất nôn nóng và trông đợi gặp lại những người thân thiết, đã một thời chung sống cùng đơn vị, đã cùng chia vui sẻ buồn với nhau để cấu thành những kỷ niệm một đời không thể nào quên được!

Khi nói chuyện liên quan tới Tiểu Đoàn Quái Đều, mà anh em và bạn bè trong binh chủng đã “méo mó nghề nghiệp” và để “chọc què” nên đã sửa và chụp cho chúng tôi cái tên “Quá Đều” từ mấy chục năm nay. Anh em “Quá Đều” chúng tôi đành phải gạt nước mắt và “ứ hự” chấp nhận cái tên này trong niềm vui với ... ắp đầy kỷ niệm!

Khi đã nhắc đến “Quá Đều” mà không nói đến “Tiếng lóng của Quá Đều” là một thiếu sót rất lớn! Cứ mỗi lần gặp nhau hay nói chuyện qua điện thoại với anh em Quá Đều, biết bao nhiêu lần anh em đã “gợi ý” hay đúng hơn là “thúc bách” tôi phải viết một cái gì để “bật mí”, để giới thiệu với “bà con” về những cái rất độc đáo qua “Tiếng lóng của Tiểu Đoàn 1”. Cho mãi tới hôm nay, tôi mới được thờ phào nhẹ nhõm vì đang ngồi “cúng” để trả nợ cho ... “Quỷ Thần” đây!

Một số bạn bè, ngay cả một số Thẩm Quyền mà tôi còn nhớ và đề cập đến trong bài này có được các tên bằng tiếng “lóng”, tôi xin nhắc lại không phải tôi mới “ché” ra, mà chỉ ghi lại trung thực một số những “tên tuổi” đã có từ hơn 40 năm về trước ...

Với những “câu chuyện đầy đura” tạo nên nguyên nhân cho việc đặt tên bằng tiếng lóng, đó là những điều có thật và đã trở thành “*lich sử*”. Chúng tôi ghi lại để nhớ đến các bạn trong và ngoài “nhóm nói tiếng lóng của Tiểu Đoàn 1”, đặc biệt là để tưởng nhớ đến các “*hạt nhân*” của “nhóm” và người đã “*sát cánh*” với “nhóm” nhưng họ đã từ giã cõi đời như: Tá Bura Đoàn Thức (Thầy Ngược Ngáo), Úy Nậ Nguyễn Văn Dàng (Cồn Lộ), Tá Bura Huỳnh Văn Lượm (Lèo Thánh Lành Nam), Úy Nậ Hoàng Văn Khanh (Kheng Hynos) -Khanh Đen thuyền chuyển qua Bộ Binh năm 1972 và chết trên đường rút quân từ Cao nguyên Trung phần (đường số 7) vào tháng 3 năm 1975-

Chúng tôi ghi lại, hoàn toàn không có ý để “*châm chọc*” hay “*bêu xấu*” ai cả; mà mục đích chính là:

“*Bờ về niệm của ôn tai để được bui bua!*”

(Bờ=remember, ôn tai=old time). Có nghĩa là: Nhắc nhớ về kỷ niệm của một thời trong quá khứ để được tha hồ vui!

Phan Công Tôn